| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỮU LŨNG**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 27-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Văn Thưởng.

2. Ông Đặng Xuân Tuấn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tên viết tắt là ngân hàng V1). Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngân hàng V1. Vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng Cá nhân M – Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng Doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý ngân hàng V1 (văn bản uỷ quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025). Vắng mặt.

*Người được ủy quyền lại*: Ông Nguyễn Văn D1; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng V1 (văn bản uỷ quyền số 932/2025/UQN-KHCMNB02 ngày 06/5/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Tuấn A, sinh năm 1991, trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2024, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V1; Ngân hàng) trình bày:*

Vào các ngày 31/3/2022 và ngày 07/4/2022, Ngân hàng V1 và ông Đinh Tuấn A đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

**1. Khoản vay thứ nhất:** Hợp đồng cho vay số LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022, có nội dung: Bên cho vay là Ngân hàng V1 – Chi nhánh Sở Giao dịch; bên vay là ông Đinh Tuấn A; số tiền vay: 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay: 84 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (Ngân hàng V1 đã thực hiện giải ngân vào ngày 08/4/2022); mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MERCEDES-BENZ, GLC200, sản xuất năm 2019 để đi lại; Lãi suất trong hạn (lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân) là: 9,3%/năm (lãi suất được tính theo năm với 01 năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn cố định, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01/, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

**2. Khoản vay thứ hai (khoản vay thẻ tín dụng):** Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ký ngày 31/03/2022 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 374-P-6769553*), có nội dung: Hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); ngày phát vay là ngày 16/04/2022; mục đích cấp tín dụng: Phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn và lãi suất: Theo quy định của ngân hàng V1.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Đinh Tuấn A đã thế chấp 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC200, sản xuất năm 2019, mang biển kiểm soát 17A-292.44, có số khung: RLM0G8AB7KV009571, số máy 26492030159682, thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tuấn A theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012768 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 06/04/2022, theo Hợp đồng thế chấp số LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022 giữa Ngân hàng V1 và ông Đinh Tuấn A. Hợp đồng và tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 08/04/2022.

Ngày 16/01/2023, ông Đinh Tuấn A vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V1. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Đinh Tuấn A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, ông Đinh Tuấn A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025), ông Đinh Tuấn A đã thanh toán được cho Ngân hàng V1 số tiền 202.789.901 đồng (trong đó, nợ gốc 122.923.905 đồng, nợ lãi 79.865.996 đồng). Ông Đinh Tuấn A còn nợ Ngân hàng V1 tổng số tiền 1.834.013.069 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.157.076.095 đồng; nợ lãi trong hạn là 18.123.012 đồng; nợ lãi quá hạn là: 654.375.065 đồng; nợ lãi chậm trả là 4.438.897 đồng).

Đối với Hợp đồng số 374-P-6769553, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025), ông Đinh Tuấn A còn nợ ngân hàng V1 số tiền 50.704.233 đồng (trong đó, nợ gốc là 12.122.973 đồng; nợ lãi là 38.581.260 đồng).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025), ông Đinh Tuấn A còn nợ Ngân hàng V1 tổng số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là 1.884.717.302 đồng (Trong đó, nợ gốc là 1.169.199.068 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 18.123.012 đồng; nợ lãi quá hạn là: 692.956.325 đồng và nợ lãi chậm trả là: 4.438.897 đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng V1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đinh Tuấn A phải trả cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay số: LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022 và Hợp đồng số 374-P-6769553, với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025) là 1.884.717.302 đồng (Trong đó, nợ gốc là 1.169.199.068 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 18.123.012 đồng; nợ lãi quá hạn là: 692.956.325 đồng và nợ lãi chậm trả là: 4.438.897 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 28/6/2025 cho đến ngày trả hết toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp ông Đinh Tuấn A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo

đảm là: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC200, sản xuất năm 2019, mang biển kiểm soát 17A-292.44, có số khung: RLM0G8AB7KV009571, số máy 26492030159682, thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tuấn A theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012768 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 06/04/2022, theo Hợp đồng thế chấp số LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022 giữa Ngân hàng V1 và ông Đinh Tuấn A để thu hồi đủ khoản nợ. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V1.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng V1, ông Đinh Tuấn A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng V1 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Đối với bị đơn ông Đinh Tuấn A*: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Tuấn A biết việc Ngân hàng V1 khởi kiện ra Tòa án (ban đầu là Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau đó là Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn) để yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản (thể hiện tại đơn đề nghị đề ngày 15/12/2024, các đơn đề nghị đề ngày 02/5/2025 của ông Đinh Tuấn A), tuy nhiên, ông Đinh Tuấn A không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Kết quả xác minh tại công an xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Hiện nay, ông Đinh Tuấn A vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, ông Đinh Tuấn A thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở địa phương. Tại thời điểm xác minh, ông Đinh Tuấn A không có mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về.

Kết quả xác minh tại nhà bà Phùng Thị N (mẹ vợ của ông Đinh Tuấn A) ở thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Hiện nay, ông Đinh Tuấn A đang trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC200, sản xuất năm 2019, mang biển kiểm soát 17A-292.44 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012768 mang tên ông Đinh Tuấn A do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 06/04/2022. Hiện nay, ông Đinh Tuấn A không cất giữ hay gửi giữ chiếc xe ô tô trên tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Còn ông Đinh Tuấn A mang chiếc xe ô tô nêu trên đi đâu thì gia đình không nắm được, không ai biết. Trên thực tế, ông Đinh Tuấn A đã bán/trao đổi/tặng cho/cầm cố chiếc xe ô tô trên cho người nào khác chưa thì gia đình không biết.

Tòa án đã ban hành và gửi Thông báo số 20/TB-TA ngày 21/4/2025 cho ông Đinh Tuấn A, yêu cầu ông Đinh Tuấn A mang xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC200, biển kiểm soát 17A-292.44 và các giấy tờ xe có

liên quan đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, ông Đinh Tuấn A vắng mặt, mặc dù đã được thông báo về thời gian, địa điểm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ (thể hiện tại 03 đơn đề nghị đề ngày 02/5/2025 của ông Đinh Tuấn A gửi theo dịch vụ bưu chính). Do vậy, Hội đồng thẩm định đã không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được đối với tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 103, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, 8, 10, điểm a khoản 1, 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1), buộc ông Đinh Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025). Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2203315487226 ngày 07/4/2022 và Hợp đồng số 374-P-6769553 ngày 31/03/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Trường hợp ông Đinh Tuấn A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022. Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì ông Đinh Tuấn A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng V1.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Đinh Tuấn A và nguyên đơn Ngân hàng V1 đã ký 02 hợp đồng tín dụng với mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô và phục vụ nhu cầu đời sống. Khi ký kết hợp đồng, chỉ có bên cho vay (ngân hàng) có mục đích lợi nhuận; vì vậy quan hệ pháp luật ban đầu được xác định theo yêu cầu khởi kiện là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc vụ án dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do quá trình thụ lý giải quyết, phát sinh tranh chấp liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nên cần xác định bổ sung quan hệ pháp luật đó là tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định pháp luật.

**[2]** Bị đơn ông Đinh Tuấn A không còn cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]** Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ngân hàng V1 có mặt, bị đơn ông Đinh Tuấn A vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và phiên tòa đã mở đến lần thứ ba. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[4]** Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng, thấy rằng: Về chủ thể giao kết hợp đồng, tại thời điểm xác lập các hợp đồng, bên cho vay là tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp; bên vay ông Đinh Tuấn A là người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự nên có quyền tự thỏa thuận, giao kết hợp đồng, phù hợp quy định tại Điều 2 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

**[5]** Về nội dung hợp đồng đã thể hiện đầy đủ thỏa thuận giữa các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất, phương thức cho vay. Hợp đồng được thể hiện bằng văn bản; có chữ ký của bên cho vay và bên vay tại các trang; bên cho vay đã đóng dấu giáp lai và đóng dấu tại cuối trang theo đúng quy định pháp luật.

**[6]** Từ những nhận định trên, có căn cứ khẳng định các hợp đồng tín dụng được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; có nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các Điều 117, 118, 119, 398, 463, 466 Bộ

luật Dân sự; các Điều 100, Điều 103, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

**[7]** Về thực hiện hợp đồng, sau khi xác lập các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V1 đã giải ngân số tiền 1.280.000.000 đồng *(*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 08/4/2022 đối với Hợp đồng cho vay số: LN2203315487226 và phát vay vào ngày 16/4/2022 đối với Hợp đồng số 374-P-6769553. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 15/01/2023, ông Đinh Tuấn A đã thanh toán được cho Ngân hàng V1 số tiền 202.789.901 đồng (trong đó, nợ gốc 122.923.905 đồng, nợ lãi 79.865.996 đồng), sau đó không thanh toán nữa nên đã vi phạm cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ, yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm, tuy nhiên ông Đinh Tuấn A không thực hiện trả nợ và không tự nguyện bàn giao tài sản.

**[8]** Đối với khoản vay thứ nhất, theo Hợp đồng cho vay số: LN2203315487226, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2025), ông Đinh Tuấn A còn nợ ngân hàng V1 tổng số tiền 1.834.013.069 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.157.076.095 đồng; nợ lãi trong hạn là 18.123.012 đồng; nợ lãi quá hạn là: 654.375.065 đồng; nợ lãi chậm trả là 4.438.897 đồng).

**[9]** Đối với khoản vay thứ hai, theo Hợp đồng số 374-P-6769553, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2025), ông Đinh Tuấn A còn nợ ngân hàng V1 tổng số tiền 50.704.233 đồng (trong đó, nợ gốc là 12.122.973 đồng; nợ lãi là 38.581.260 đồng).

**[10]** Đối chiếu với quy định tại mục 8 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số LN2203315487226; tiểu mục 3.1 Mục 3 Phần III và tiểu mục a Mục 7 phần V của Hợp đồng số 374-P-6769553 thì bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng là vi phạm. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đinh Tuấn A phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng cho vay số LN2203315487226 và Hợp đồng số 374-P-6769553.

**[11]** Đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn, nhận thấy số tiền lãi trong hạn được tính theo đúng thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại các hợp đồng tín dụng, các bên đã tự nguyện thỏa thuận về mức lãi suất quá hạn, lãi chậm trả, phù hợp với quy định của Ngân hàng V1 và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là các Điều 100, Điều 103, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024).

**[12]** Ngoài ra, việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất theo các hợp đồng kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, là phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

trong đó quy định: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".* Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi, mức lãi suất yêu cầu theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

**[13]** Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng và phát sinh nghĩa vụ bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp số LN2203315487226 ký ngày 07/4/2022 giữa Ngân hàng V1 và ông Đinh Tuấn A. Tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ, GLC200, sản xuất năm 2019, mang biển kiểm soát 17A-292.44, có số khung: RLM0G8AB7KV009571, số máy 26492030159682, thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tuấn A theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012768 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 06/04/2022.

**[14]** Khi giao kết hợp đồng thế chấp, các bên tham gia giao dịch đều minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, không bị lừa dối, ép buộc; hợp đồng và tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng là phù hợp với quy định tại các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024) nên hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực pháp luật; Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

**[15]** Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng và đã thanh toán chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 2.398.000đ (hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.398.000đ (hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) cho nguyên đơn.

**[16]** Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[17]** Ý kiến phát biểu và quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng hoàn toàn phù hợp với các nhận định, căn cứ đánh giá giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[18]** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ các Điều 100, Điều 103, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung).

Căn cứ Điều 2 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V:

**1.** Buộc ông Đinh Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền là 1.884.717.302 đồng (một tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm linh hai đồng), theo Hợp đồng cho vay số: LN2203315487226 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử (Hợp đồng số 374-P-6769553), trong đó: Nợ gốc là 1.169.199.068 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 18.123.012 đồng; nợ lãi quá hạn là: 692.956.325 đồng và nợ lãi chậm trả là: 4.438.897 đồng.

**2.** Kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật, ông Đinh Tuấn A phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng V1 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

**3**. Trường hợp ông Đinh Tuấn A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng, ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ, GLC200, sản xuất năm 2019, mang biển kiểm soát 17A-292.44, có số khung: RLM0G8AB7KV009571, số máy 26492030159682, thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tuấn A theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012768 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 06/04/2022 để thu hồi đủ khoản nợ. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi khoản nợ cho ngân hàng V1, ông Đinh Tuấn A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng V1 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

**4. Chi phí tố tụng:**

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn ông Đinh Tuấn A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.398.000đ (hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn ông Đinh Tuấn A có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.398.000đ (hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**5. Án phí:**

***5.1.*** Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0003392 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***5.2.*** Bị đơn ông Đinh Tuấn A phải chịu 68.541.000 đồng (sáu mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách nhà nước.

**6. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Đạt**